

Bản án số: **22 /2026/KDTM-ST**

Ngày: 12-9-2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: - Nguyễn Thị Hồng

- Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 30/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10152026/QĐXXST-KDTM ngày 13/8/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 435/2026/QĐST-DS ngày 28/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S Địa Trụ sở: 4 N , phường S, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Chi nhánh D số A B, phường H, Tp ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thanh H, chức vụ: Giám đốc ;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T – Chuyên viên xử lý nợ tham gia tố tụng theo Quyết định ủy quyền số 3550.2026.QĐ.LEG ngày 15/7/2026 và Giấy ủy quyền số 10.8/GUQ-CNĐN ngày 10/8/2026. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH T4; Địa chỉ: Số B V, phường T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1 - Giám đốc.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ quan: Ông Nguyễn Văn T1; Địa chỉ: Số B V, phường T, thành phố Đà Nẵng.vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/06/2026, Bản tự khai, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Công ty TNHH T4 vay Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S) theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng (không áp dụng cho phương thức hạn mức) số LD 1925500659 ngày 13/09/2019. Số tiền vay 778.000.000 đồng. Mục đích vay đầu tư phương tiện vận chuyển. Thời hạn vay 72 tháng. Lãi suất đang áp dụng 7,5%/năm. Các kỳ trả vốn lãi vào ngày 15 hàng tháng. Thời điểm phát sinh quá hạn 15/07/2025. Thời điểm trả hết nợ 13/09/2025.

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: 202025293567/L1/02 ngày 25/04/2024. Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng hạn mức (Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức) số 202025293567/L2/03 ngày 26/11/2024. Hạn mức cho vay 300.000.000 đồng Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay 06 tháng theo từng giấy nhận nợ; Giấy nhận nợ (áp dụng cho phương thức hạn mức) số LD 2511400335 ngày 24/04/2025, ngày đến hạn 24/10/2025. Lãi suất đang áp dụng 6,8%/năm. Các kỳ trả vốn lãi vào ngày 15 hàng tháng. Thời điểm trả hết nợ 24/10/2025.

Để đảm bảo nghĩa vụ của hai hợp đồng nêu trên Công ty TNHH T4 Vũ Phước T2 đồng ý thế chấp cho Ngân hàng Chiếc xe oto 5 chỗ hiệu M; Biển số đăng ký 43A-491.37 có số khung 5326KM011555, số máy PY30964233, chủ sở hữu là Công ty TNHH T4 tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 11332 ngày 13/9/2019 và và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 26/11/2024

Quá trình thực hiện hợp đồng như sau:

- Hợp đồng tín dụng (không áp dụng cho phương thức hạn mức) số LD 1925500659 ngày 13/09/2019. Số tiền vay 778.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi tám triệu đồng

Từ ngày 15/10/2019 đến ngày 15/06/2025, Công ty TNHH T4 Vũ Phước T2 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền: 1,081,057,500 đồng, trong đó số tiền gốc: 745.545.000 đồng, số tiền lãi: 335.512.500 đồng. Từ ngày 15/07/2025, Công ty TNHH T4 không thanh toán nợ cho Ngân hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết nên ngân hàng chuyển khoản vay sang quá hạn và thực hiện các biện pháp thu hồi nợ vay theo quy định

Tính đến ngày 12/9/2026, dư nợ của hợp đồng này phát sinh tổng số tiền là 50.980.082 đồng. Trong đó, nợ gốc: 32.455.000 đồng, lãi trong hạn: 14.587.500 đồng, lãi quá hạn: 3.937.582 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: 202025293567/L1/02 ngày 25/04/2024 Hạn mức cho vay 300.000.000 đồng

Từ ngày 15/05/2025 đến ngày 15/06/2025, Công ty TNHH T4 Vũ Phước T2 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 2.962.192 đồng, trong đó số tiền gốc: 0 đồng; tiền lãi: 2.962.192 đồng. Từ ngày 15/07/2025, Công ty TNHH T4 không thanh toán nợ cho Ngân hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết nên ngân hàng chuyển khoản vay sang quá hạn và thực hiện các biện pháp thu hồi nợ vay theo quy định

Tính đến ngày 12/09/2026, Hợp đồng dư nợ của hợp đồng này phát sinh tổng số tiền là 334.344.657 đồng. Trong đó, nợ gốc: 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 7.265.753 đồng, lãi quá hạn: 27.078.904 đồng.

Công ty TNHH T4 đều vi phạm nghĩa vụ thanh toán cả hai hợp đồng phía Ngân hàng đã thông báo và thực hiện nhiều biện pháp thu hồi nợ nhưng hiện nay Công ty đã không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký, ngân hàng liên lạc với ông Nguyễn Văn T1 không được do đó để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình Ngân hàng khởi kiện Công ty TNHH T4 đến Tòa án yêu cầu các vấn đề sau:

- Buộc Công ty TNHH T4 phải thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi phát sinh đến ngày 12/09/2026 là 385.324.739 đồng tạm tính. Trong đó nợ gốc: 332.455.000 đồng, lãi trong hạn: 21.853.253 đồng, lãi quá hạn: 31.016.486 đồng. Cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng không áp dụng cho phương thức hạn mức số: LD 1925500659 ngày 13/09/2019, tổng số tiền là 50.980.082 đồng. Trong đó, nợ gốc: 32.455.000 đồng, lãi trong hạn: 14.587.500 đồng, lãi quá hạn: 3.937.582 đồng.

- Đối với Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202025293567/L1/02 ngày 25/04/2024. Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng hạn mức Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202025293567/L2/03 ngày 26/11/2024, tổng số tiền là 334.344.657 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 7.265.753 đồng, lãi quá hạn: 27.078.904 đồng.

- Công ty TNHH T4 Vũ Phước T2 còn tiếp tục trả lãi phát sinh của hai hợp đồng vay kể từ ngày 13/9/2026 cho đến khi thanh toán dứt điểm các khoản nợ

- Trường hợp Công ty TNHH T4 không trả nợ, đề nghị Tòa án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là Xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu MAZDA, biển số 43A - 491.37, số khung: 5326KM011555, số máy: PY30964233 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 080753 cấp ngày 11/09/2019 tại C. Chủ sở hữu: Công ty TNHH T4.

- Công ty TNHH T4 chịu toàn bộ án phí và các chi phí liên quan khác (nếu có).

* Bị đơn Công ty TNHH T4 vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vắng nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3 đã được Tòa án thông báo họp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gợi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền luật định; đảm bảo về thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 203 BLTTDS;

- Xác định đúng về các mối quan hệ tranh chấp và tư cách những người tham gia tố tụng;

- Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 BLTTDS;

- Tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của BLTTDS 2015;

- Đã thực hiện đầy đủ việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật cho đương sự, Viện kiểm sát.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các thủ tục tố tụng khác theo quy định tại Điều 48 BLTTDS;

** Việc tuân theo pháp luật của thư ký:*

- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 BLTTDS.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:*

Qua xem xét về Thành phần HĐXX (qua Quyết định đưa vụ án ra xét xử) thấy đúng theo quy định tại Điều 63 BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

2. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

* Ngân hàng TMCP S: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn được quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS: cung cấp bản tự khai cho Tòa án, tham gia đầy đủ các buổi hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

** Đối với bị đơn Bị đơn Công ty TNHH T4:*

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS 2015: Không nộp bản tự khai cho Tòa án; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1:*

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, 73 BLTTDS 2015: Không nộp bản tự khai cho Tòa án; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 .

- Buộc Công ty TNHH T4 phải thanh toán nợ vay cầu các hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 12/09/2026 là 385.324.739 đồng. Trong đó nợ gốc: 332.455.000 đồng, lãi trong hạn: 21.853.253 đồng, lãi quá hạn: 31.016.486 đồng. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng không áp dụng cho phương thức hạn mức số LD 1925500659 ngày 13/09/2019, tổng số tiền là 50.980.082 đồng. Trong đó, nợ gốc: 32.455.000 đồng, lãi trong hạn: 14.587.500 đồng, lãi quá hạn: 3.937.582 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202025293567/L1/02 ngày 25/04/2024. Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng hạn mức Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202025293567/L2/03 ngày 26/11/2024, tổng số tiền là 334.344.657 đồng. Trong đó, nợ gốc: 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 7.265.753 đồng, lãi quá hạn: 27.078.904 đồng.

2. Khoản lãi phạt chậm trả của hai hợp đồng 2.119.136 đồng. Ngân hàng đã có đơn đề nghị rút khoản lãi phạt chậm trả nên đề nghị HĐXX đình chỉ xem xét về khoản phí chậm thanh toán của các hợp đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc Công ty TNHH T4 tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 13/9/2026 theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến ngày Công ty thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

4. Trường hợp Công ty TNHH T4 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ theo cam kết thì cho Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp là: Xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu MAZDA, biển số 43A - 491.37, số khung: 5326KM011555, số máy: PY30964233 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 080753 cấp ngày 11/09/2019 tại C. Chủ sở hữu: Công ty TNHH T4.

Về án phí: Công ty TNHH T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP S mã số doanh nghiệp: 0301103908 thành lập ngày 13/01/1992. Đến ngày 01/6/2026 đổi thành tên Ngân hàng TMCP S là pháp nhân mới kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đối với các hoạt động phát sinh trước đây của Ngân hàng TMCP S thương Tín

Ngân hàng TMCP S khởi kiện đối với Công ty TNHH T4, có địa chỉ: Số B V, phường T, thành phố Đà Nẵng về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Do đó, thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện giữa nguyên đơn thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3-Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn Công ty TNHH T4; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt trong quá trình tố tụng, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc Công ty TNHH T4 thanh toán tiền dư nợ của các hợp đồng vay vi phạm, yêu cầu tiền lãi phát sinh và xử lý tài sản bảo đảm cho các khoản vay tín dụng thì thấy:

- Hợp đồng tín dụng (không áp dụng cho phương thức hạn mức) số LD 1925500659 ngày 13/09/2019. Công ty T4 vay số tiền 778.000.000 đồng. Mục

đích đầu tư phương tiện vận chuyển; Lãi suất áp dụng 7,5%/năm, kỳ hạn vay 72 tháng. Thời điểm tất toán khoản vay vào ngày 13/9/2025. Sau khi được cấp tín dụng Công ty T4 thực hiện việc thanh toán hợp đồng như sau:

Từ ngày 15/10/2019 đến ngày 15/06/2025, Công ty TNHH T4 Vũ Phước T2 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền: 1.081.057.500 đồng. Trong đó: trả tiền gốc là 745.545.000 đồng, trả tiền lãi là 335.512.500 đồng. Từ ngày 15/07/2025, Công ty TNHH T4 không thanh toán nợ cho Ngân hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết nên ngân hàng chuyển khoản vay sang quá hạn và thực hiện các biện pháp thu hồi nợ vay theo quy định

Tính đến ngày 12/9/2026, dư nợ hợp đồng này phát sinh tổng số tiền là 50.980.082 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 32.455.000 đồng, lãi trong hạn: 14.587.500 đồng, lãi quá hạn: 3.937.582 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202025293567/L1/02 ngày 25/04/2024; Công ty T4 vay 300.000.000 đồng mục đích bổ sung vốn kinh doanh; Lãi suất áp dụng 6,8%/năm. Thời hạn tất toán khoản vay 24/10/2025. Sau khi được cấp tín dụng Công ty T4 thực hiện việc thanh toán hợp đồng như sau:

Từ ngày 15/05/2025 đến ngày 15/06/2025, Công ty TNHH T4 Vũ Phước T2 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền: 2.962.192 đồng. Trong đó số tiền gốc: 0 đồng, số tiền lãi: 2.962.192 đồng. Từ ngày 15/07/2025, Công ty TNHH T4 không thanh toán nợ cho Ngân hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết nên ngân hàng chuyển khoản vay sang quá hạn và thực hiện các biện pháp thu hồi nợ vay theo quy định

Tính đến ngày 12/09/2026, dư nợ hợp đồng này phát sinh tổng số tiền là 334.344.657 đồng. Trong đó, nợ gốc: 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 7.265.753 đồng, lãi quá hạn: 27.078.904 đồng

Căn cứ vào các cam kết nghĩa vụ trả nợ tại các hợp đồng tín dụng mà Công ty đã ký kết với ngân hàng và Nghị quyết Hội đồng thành viên, Biên bản họp hội đồng thành viên xác nhận trách nhiệm của Công ty TNHH T4 đối với các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký tại Ngân hàng TMCP S (cũ), Xét Công ty TNHH T4 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đã cam kết tại các hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Vì vậy, HĐQT căn cứ các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về việc Ngân hàng N hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; căn cứ vào Bảng kê tính lãi vay, Bảng kê tính lãi quá hạn và Bảng kê

đư nợ gốc lãi tính đến ngày 12/9/2026, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc buộc Công ty TNHH T4 Vũ Phước T2 phải trả tiền gốc lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tổng dư nợ các hợp đồng phát sinh tính đến ngày 12/9/2026 là 385.324.739 đồng Trong đó: Nợ gốc: 332.455.000 đồng, lãi trong hạn: 21.853.253 đồng, lãi quá hạn: 31.016.486 đồng.

[2.1] Đối với khoản lãi chậm trả 1.441.132 đồng của Hợp đồng số LD 1925500659 ngày 13/09/2019 và khoản lãi chậm trả 678.004 đồng của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202025293567/L1/02 ngày 25/04/2024, Đại diện Ngân hàng đề nghị rút nên HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi phạt chậm trả của hai hợp đồng.

[2.2]. Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH T4 tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã cam kết tại Hợp đồng số LD 1925500659 ngày 13/09/2019 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202025293567/L1/02 ngày 25/04/2024 kể từ ngày 13/9/2026 cho đến khi trả xong toàn bộ nghĩa vụ nợ cho Ngân hàng phù hợp với các cam kết của Công ty TNHH T4 tại các hợp đồng tín dụng, phù hợp Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[3] Xét cả hai khoản vay nêu trên ,Công ty TNHH T4 Vũ Phước T2 đồng ý thế chấp cho Ngân hàng chiếc xe ô tô 5 chỗ hiệu Mazda; Biển số đăng ký 43A-491.37 có số khung 5326KM011555, số máy PY30964233, chủ sở hữu là Công ty TNHH T4 nên HĐXX căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản số 11332 ngày 13/9/2019 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 26/11/2024 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng pháp luật chấp nhận yêu cầu của ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu nợ trong trường hợp Công ty TNHH T4 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng.

[4] Về án phí:

- Công ty TNHH T4 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH T4 phải chịu chi phí xem xét thẩm định thực trạng tài sản 4.000.000 đồng (Ngân hàng đã nộp đã chi)

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 ; ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với Công ty TNHH T4 phải chịu về dư nợ gốc và lãi phát sinh trong vụ án "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về khoản lãi chậm trả 1.441.132 đồng của Hợp đồng số LD 1925500659 ngày 13/09/2019 và khoản lãi chậm trả 678.004 đồng của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202025293567/L1/02 ngày 25/04/2024.

Tuyên xử:

- Buộc Công ty TNHH T4 phải thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 12/09/2026 là 385.324.739 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 332.455.000 đồng, lãi trong hạn: 21.853.253 đồng, lãi quá hạn: 31.016.486 đồng. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng không áp dụng cho phương thức hạn mức số LD 1925500659 ngày 13/09/2019, dư nợ hợp đồng phát sinh tổng số tiền là 50.980.082 đồng. Trong đó, nợ gốc: 32.455.000 đồng, lãi trong hạn: 14.587.500 đồng, lãi quá hạn: 3.937.582 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: 202025293567/L1/02 ngày 25/04/2024, dư nợ hợp đồng phát sinh tổng số tiền 334.344.657 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 7.265.753 đồng, lãi quá hạn: 27.078.904 đồng.

2. Công ty TNHH T4 Vũ Phước T2 tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã cam kết tại Hợp đồng số LD 1925500659 ngày 13/09/2019 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202025293567/L1/02 ngày 25/04/2024 kể từ ngày 13/9/2026 cho đến khi trả xong toàn bộ nghĩa vụ nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Liệu

3. Trường hợp Công ty TNHH T4 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ dư nợ của các hợp đồng vay như trên thì Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe oto 5 chỗ hiệu Mazda; Biển số đăng ký 43A-491.37 có số khung 5326KM011555, số máy PY30964233, chủ sở hữu là Công ty TNHH T4 để thu hồi nợ vay.

- Trường hợp Công ty TNHH T4 tất toán toàn bộ dư nợ của các hợp đồng vay thì Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ trả các giấy tờ tài sản thế chấp cho Công ty TNHH TM & DV Vũ Phước Thọ

3. Về án phí:

- Công ty TNHH T4 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 19.266.236 đồng (*Mười chín triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng đồng*)

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm án phí 18.937.862 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000233 ngày 06/07/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng.

4. Công ty TNHH T4 hoàn trả cho Ngân hàng chi phí xem xét tại chỗ 4.000.000 đồng (Ngân hàng đã nộp đã chi)

5. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 12/9/2026; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
- Người tham gia tố tụng; THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Xuân